

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp

về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Tố Như

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Long

Bà Lê Hoàn Sinh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Liên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn:** Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 18/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXX-ST ngày 29 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm: 1979; ĐKKHKT: Thôn PT 2, xã ĐT, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện nay: Thôn 3, xã TT, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Hữu H, sinh năm: 1976; Địa chỉ: Thôn PT 2, xã ĐT, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 02 năm 2022 và trình bày của nguyên đơn chị Trần Thị T:

- Về hôn nhân: Chị T và anh Lê Hữu H tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 16/11/1998.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được 10 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do sau khi sinh con được 27 tuần thì chị T thường xuyên ốm đau phải đi viện nhiều lần nên vợ chồng thường xảy ra va chạm, rất nhiều lần chị T đã phải bỏ về nhà mẹ đẻ để sinh sống nhưng vì T con nên chị T cố gắng chịu đựng. Đến cuối năm 2020 chị T đã về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Đến nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không có hạnh phúc và thực tế đã không còn tồn

tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống.

- Về con: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thị Hiền, sinh năm 1999 và cháu Lê Hữu Đạt, sinh ngày 25/9/2012. Hiện tại cháu Hiền đã trưởng thành. Vợ chồng ly hôn, chị T nhường quyền nuôi cháu Đạt cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì cháu Đạt đang ở cùng anh H, chị T không có khả năng đóng góp nuôi con vì chị đang bị bệnh hiểm nghèo.

- Về tài sản: Chị T khẳng định: Vợ chồng không có tài sản gì có giá trị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## 2. Đối với bị đơn:

Theo biên bản xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ ngày 21/3/2022 anh Lê Hữu H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh H và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, qua thời gian tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thiệu Trung huyện Thiệu Hóa vào năm 1998. Trong cuộc sống thì vợ chồng có xảy ra xung đột. Nay chị T muốn ly hôn thì anh H cũng không thiết tha níu kéo.

- Về con: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thị H1, sinh năm 1999 và cháu Lê Hữu Đ, sinh ngày 25/9/2012. Hiện tại cháu Hiền đã trưởng thành. Vợ chồng ly hôn anh H có nguyện vọng nuôi cháu Đạt.

- Về tài sản và công nợ: Anh H khẳng định không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H khẳng định anh có biết chị T xin ly hôn và có biết được tất cả các tài liệu văn bản liên quan đến việc giải quyết vụ án do Tòa án gửi đến nhưng anh cương quyết không nhận và không ký bất kỳ văn bản nào. Đồng thời anh H cũng từ chối việc có mặt tại tất cả các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và cũng không có mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Tòa án đã tiến hành lập biên bản ghi nhận quan điểm của anh H. Sau khi nghe đọc lại biên bản, anh H công nhận biên bản đã ghi đúng nội dung anh trình bày nhưng anh H vẫn cương quyết không ký biên bản làm việc và bất cứ văn bản nào của Tòa án.

## 3. Đối với con chung:

Theo bản tự khai ngày 11/3/2022 quan điểm của cháu Lê Hữu Đ: Cháu là con thứ hai của bố H và mẹ T. Hiện tại cháu đang học lớp 4 trường tiểu học Đông Thanh. Bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với bố vì mẹ bị bệnh ung thư nên không đủ sức khỏe chăm sóc cháu.

## 4. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án xử cho ly hôn với bị đơn, xử cho anh H được nuôi con chung chưa thành niên của vợ chồng, chị không phải đóng góp nuôi con, về tài sản và công nợ chị T không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn: Cũng nhất trí ly hôn, đồng ý nuôi cháu Lê Hữu Đạt, về tài sản và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn trình bày ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 177; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Các Điều 271; 273; 278; 280 của BLTTDS; Điều 51; Khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57; Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

- Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Lê Hữu H.

- Về con chung: Giao cháu Lê Hữu Đ, sinh ngày 25/9/2012 là con chung của chị T và anh H cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị T không phải đóng góp tiền nuôi con chung.

- Về án phí: Buộc chị Trần Thị T phải nộp tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Trần Thị T và bị đơn anh Lê Hữu H là: Tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại thôn Phúc Triền 2, xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án triệu tập anh Lê Hữu H đến làm việc, anh H không chấp hành làm bản tự khai và tham gia hòa giải. Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp các giấy tờ, văn bản của Tòa án cho anh H thì anh H có đọc có nghe đọc nhưng anh H cương quyết không nhận và không ký biên bản làm việc. Ngày 14/4/2022 Tòa án đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất anh H vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa. Tòa án đã tiến hành niêm yết quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh H vắng mặt không có lý do. Như vậy anh Lê Hữu H cố tình lẩn tránh, gây khó khăn cho việc giải quyết của Tòa án. Căn cứ vào khoản 2 Điều 177; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án lần thứ hai vắng mặt bị đơn: anh Lê Hữu H.

[2]. Về nội dung:

\* *Về hôn nhân*: Chị Trần Thị T và anh Lê Hữu H kết hôn trên cơ sở hai người tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 16/11/1998. Như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, HĐXX nhận thấy:

Quá trình chung sống cả chị T và anh H đều xác nhận: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 10 tháng thì nảy sinh mâu thuẫn. Theo trình bày của chị T thì nguyên nhân mâu thuẫn do sau khi sinh con chị T thường xuyên ốm đau phải đi viện nhiều lần, hiện tại chị T đang mắc bệnh hiểm nghèo nên vợ chồng thường xảy ra va chạm nên nhiều lần chị T đã phải bỏ về nhà mẹ đẻ để sinh sống nhưng vì T con nên chị lại quay về. Đến cuối năm 2020 chị T đã về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó, vợ chồng không quan tâm đến nhau nên tình cảm phai nhạt dần. Về phía anh H thừa nhận trong cuộc sống thì vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn, nhưng về nguyên nhân mâu thuẫn thì anh không trình bày. Nay chị T muốn ly hôn thì anh H cũng không thiết tha níu kéo. Như vậy chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên, HĐXX nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

\* *Về con*: Chị Trần Thị T và anh Lê Hữu H đều trình bày thống nhất: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thị H1, sinh năm 1999 và cháu Lê Hữu Đ, sinh ngày 25/9/2012. Hiện tại cháu H1 đã trưởng thành. Vợ chồng ly hôn, chị T nhường quyền nuôi cháu Đạt cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì cháu Đạt đang ở cùng anh H. Bản thân cháu Đ cũng có nguyện vọng được ở cùng với bố, còn anh H cũng có mong muốn nuôi cháu Đ. Để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của con chưa thành niên nên giao cháu Lê Hữu Đ, sinh ngày 25/9/2012 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Hữu H không yêu cầu chị T phải có trách nhiệm đóng góp nuôi con. Bản thân chị T không có khả năng đóng góp nuôi con do chị đang bị bệnh hiểm nghèo. Xét nguyện vọng của anh H hoàn toàn chính đáng, không trái quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

\* *Về tài sản và công nợ*: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Trần Thị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 177; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Các Điều 271; 273; 278; 280 của BLTTDS; Điều 51; Khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57; Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị T đối với anh Lê Hữu H. Xử vắng mặt anh Lê Hữu H.

- *Về hôn nhân*: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Lê Hữu H.

- *Về con chung*: Giao cháu Lê Hữu Đ, sinh ngày 25/9/2012 là con chung của chị T và anh H cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị T không phải đóng góp tiền nuôi con chung.

Hai bên được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không bên nào được cản trở.

- *Về án phí*: Buộc chị Trần Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2021/0005506 ngày 04/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Chấp nhận đã nộp đủ.

- *Về quyền kháng cáo*: Chị Trần Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Lê Hữu H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Đông Sơn
- Các đương sự.
- UBND xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Lê Thị Tố Như**